

Số: *2847*/SGDDĐT-GDĐT
V/v hướng dẫn thực hiện quy đổi
chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

Thanh Hóa, ngày *13* tháng *11* năm 2018

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và các Văn bản quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 3762/BGDĐT-GDDH ngày 05/6/2013, 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014, 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016;

Căn cứ Công văn số 5457/UBND-VX ngày 18/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện việc quy đổi giá trị tương đương của chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 về quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và các quy định hiện hành của pháp luật;

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chi tiết thực hiện việc quy đổi giá trị tương đương của chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học cụ thể như sau:

I. Về thời hạn áp dụng của chứng chỉ ngoại ngữ, tin học

1. Đối với Chứng chỉ ngoại ngữ

Công nhận thời hạn của các chứng chỉ tiếng Anh có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đã được cấp trong các trường hợp sau:

- Các chứng chỉ tiếng Anh thực hành A, B, C theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là QĐ số 177) đã được cấp trước ngày 15/11/2017 (từ ngày Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT có hiệu lực);

- Các chứng chỉ tiếng Anh thực hành A1, A2, B1, B2, C1, C2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là QĐ số 66) đã được cấp trước ngày 15/11/2017 (từ ngày Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT có hiệu lực);

- Các chứng chỉ tiếng Anh thực hành theo Quyết định số 177 và Quyết định số 66 của các khoá đào tạo, cấp chứng chỉ được triển khai trước ngày 15/11/2017 (từ ngày Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT có hiệu lực).

2. Đối với chứng chỉ Tin học

Công nhận thời hạn của các chứng chỉ Tin học có giá trị tương đương với chứng chỉ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đã được cấp trong các trường hợp sau:

- Các chứng chỉ Tin học ứng dụng A, B, C theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03/7/2000 đã được cấp trước ngày 10/8/2016 (từ ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT có hiệu lực);

- Các chứng chỉ Tin học ứng dụng theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03/7/2000 của các khoá đào tạo, cấp chứng chỉ được triển khai trước ngày 10/8/2016 (từ ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT có hiệu lực).

II. Về việc áp dụng mức độ quy đổi tương đương

1. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ

1.1. Đối với các chứng chỉ tiếng Anh trình độ A, B, C theo QĐ số 177 và chứng chỉ tiếng Anh trình độ từ bậc A1 đến bậc C2 theo QĐ số 66 quy đổi giá trị tương đương trình độ tiếng Anh khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là khung 6 bậc), như sau:

Trình độ theo khung 6 bậc	Trình độ theo QĐ số 66	Trình độ theo QĐ số 177
Bậc 1	Trình độ A1	Trình độ A
Bậc 2	Trình độ A2	Trình độ B
Bậc 3	Trình độ B1	Trình độ C
Bậc 4	Trình độ B2	
Bậc 5	Trình độ C1	
Bậc 6	Trình độ C2	

1.2. Đối với chứng chỉ tiếng Anh do các tổ chức khảo thí nước ngoài tổ chức thi và cấp, được công nhận và còn thời hạn sử dụng có giá trị thay thế trình độ tiếng Anh khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảng quy đổi thực hiện như sau:

Khung 6 bậc của Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	IELTS	TOEIC	TOEFL Paper/ Computer/ Internet	TOEFL IBT	TOEFL ITP	Cambridge Tests
Bậc 1	A1	<3.0	<400		<31	<337	45-69 KET
Bậc 2	A2	3.0-3.5	400	400/97	31	337	45-64 PET 70-89 KET

Bậc 3	B1	4.0 4.5	450	450/133/45 477/153/53	35	450	65-79 PET 45-59 FCE 90-100 KET
Bậc 4	B2	5.0 6.0	600	500/173/61 527/197/71	60	500	60-79 FCE 80-100 PET
Bậc 5	C1	6.5 7.0	850	550/213/80 577/233/91	90	550	60-79 CAE 80-100 FCE
Bậc 6	C2	7.5+	945+	600/250/100	111+	630+	45-59 CPE 80-100 CAE
Pass		Top Score 9	Top Score 990	Pass	Top Score 120	Top Score 677	Pass

1.3. Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ: tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Nhật thực hiện theo bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1, B2 khung Châu Âu quy định kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, như sau:

Khung 6 bậc của Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
Bậc 3	B1	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4
Bậc 4	B2	TRKI 2	DELFB2 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3

2. Đối với chứng chỉ tin học

Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được cấp có giá trị tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Hướng dẫn này được thay thế hướng dẫn trong Công văn số 1279/SGDDT-GDTX ngày 04/6/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị thực hiện theo hướng dẫn trên./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (đề t/h);
- UBND tỉnh (đề b/c)
- Bộ GD&ĐT (đề b/c);
- Bộ Nội vụ (đề b/c);
- Lưu: VT, GDTX

96

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Thi